

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Phạm Sơn Điền.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 485/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị U, sinh năm 1974; Địa chỉ: khóm VP1, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp VT1, xã CP, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị U trình bày: Năm 2020, chị U và anh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố CD, tỉnh AG theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, ngày 28/4/2020. Sau khi kết hôn, chị U và anh T sống chung tại khu vực khóm VP1, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG. Thời gian đầu, chị U và anh T chúng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp

nhau, không có tiếng nói chung. Chị U và anh T sống xa nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị U yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Minh T.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị U và anh T không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 778/TB-TLVA ngày 16/12/2020 và các văn bản tố tụng khác cho anh Huỳnh Minh T thông qua người thân nhận là chị Nguyễn Thị Hồng Th (em của anh T) nhận thay và cam kết thông báo lại cho anh T biết về việc chị U khởi kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị U và các tài liệu chứng cứ kèm theo.

Nguyên đơn đã nộp các tài liệu chứng cứ: Bản tự khai; Bản sao sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn; Bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, ngày 28/4/2020 do Ủy ban nhân dân phường Núi Sam cấp cho anh T và chị U.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập, xác minh: Xác minh nơi cư trú của anh T tại Công an xã CP, thị xã TC, tỉnh AG; Xác minh nơi cư trú của chị U tại Công an phường NS; Xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh T tại ban VT1, xã CP, thị xã TC, tỉnh AG và tại ban khóm VP, phường NS, thành phố CD, tỉnh AG; Lấy lời khai người thân anh T là chị Nguyễn Thị Hồng Th, cụ thể:

Công an xã CP, thị xã TC, tỉnh AG cung cấp: Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại VT1, xã CP, thị xã TC, tỉnh AG. Hiện không còn sinh sống tại địa phương, bỏ đi từ thời gian nào và đi đâu thì Công an không biết, do anh T không trình báo.

Công an phường NS, thành phố CD cung cấp: Chị Trịnh Thị U, sinh năm 1974 có đăng ký hộ khẩu thường trú khóm VP, phường NS, thành phố CD. Hiện nay, chị U vẫn sinh sống tại tổ 7, khóm VP, phường NS, thành phố CD.

Ban ấp VT1, xã CP, thị xã TC, tỉnh AG cung cấp: Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1982, cư trú tại VT1, xã CP, thị xã TC, tỉnh AG. Hiện không còn sinh sống tại địa phương, bỏ đi thời gian nào thì Ban ấp không biết. Anh T và chị U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố CD. Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị U và anh T như thế nào thì Ban ấp không biết.

Ban khóm VP, phường NS, thành phố CD cung cấp: Chị U và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam. Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa chị U và anh T như thế nào thì Ban khóm không biết.

Chị Nguyễn Thị Hồng Th cung cấp: Chị Th và anh T là anh em cùng mẹ khác cha. Anh T có đăng ký kết hôn với chị U tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam. Thời gian đầu, anh T và chị U sinh sống tại khóm VP, phường NS, thành phố CD. Sau đó, anh T và chị U chuyển lên LA sinh sống, quan hệ hôn nhân

giữa anh T và chị U, chị Th không biết. Đồng thời, chị Th có nhận thay các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đặt cho anh T và có thông báo cho anh T biết nhưng do anh T bận công việc, không về được. Anh T đồng ý ly hôn với chị U.

Tại phiên tòa, chị U vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt; Anh T vắng mặt lần thứ hai không lý do.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, hôn nhân của chị U và anh T là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 28/4/2020 tại Ủy ban nhân dân phường phường NS, thành phố CD . Thời gian đầu, chị U và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, chị U và anh T không hàn gắn tình cảm được. Chị U yêu cầu là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị U cho rằng, chị U và anh T không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị U được ly hôn anh Huỳnh Minh T.

Về án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Thị U phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Trịnh Thị U khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Minh T. Anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp VT 1, xã CP, thị xã TC. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trịnh Thị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Huỳnh Minh T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trịnh Thị U và anh Huỳnh Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, ngày 28/4/2020, hôn nhân giữa chị U và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị U khai: Thời gian đầu, vợ chồng chị U và anh T chung sống hạnh phúc. Đến năm tháng 6/2020, chị U và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị U yêu cầu ly hôn với anh T.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị U và anh T phát sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 6/2020 do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau khoảng 09 (chín) tháng. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị U và anh T hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh T chưa thật sự mong muốn hàn gắn tình cảm với chị U. Chị U kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Tình trạng vợ chồng chị U và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị U. Xét, cho chị U ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị U khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị U.

Chị Trịnh Thị U được ly hôn với anh Huỳnh Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60, được Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố CD, tỉnh AG cấp ngày 28/4/2020 cho chị Trịnh Thị U và anh Huỳnh Minh T không còn giá trị pháp lý.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trịnh Thị U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0006534 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị U đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Minh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị U và anh T là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

